

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – NINH BÌNH

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2025

V/v: “Ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NINH BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bốn;

Ông Đỗ Văn Cậ.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Phú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm Đ, xã G, tỉnh Ninh Bình (xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cũ); “vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm F, xã G, tỉnh Ninh Bình (xã H, huyện G, tỉnh Nam Định (cũ)); “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/6/2025, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu và được ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27-12-2002. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hoà thuận với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau

được nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q; không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Tại biên bản thu thập, tài liệu chứng cứ ngày ngày 16/6/2025, ông Nguyễn Văn K cung cấp: Ông là bố đẻ của anh Q. Anh Q và chị N đăng ký kết hôn vào năm 2002, chưa có con chung; anh Q đi làm xa thì thoảng có về nhà; ông nhận trách nhiệm giao lại các văn bản cho anh Q.

Tại biên bản thu thập, tài liệu chứng cứ ngày ngày 16/6/2025, cơ sở xã H, huyện G, tỉnh Nam Định cung cấp: Chị và anh Nguyễn Văn Q đang ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 27-12-2002; vợ chồng chưa có con chung; chị N và anh Q không vướng mắc gì về kinh tế đối với địa phương. Nay chị N có đơn ly hôn anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn Q. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Nam Định (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 27-12-2002 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên đã xảy ra mâu thuẫn. Đối với anh Q vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến phản hồi trước yêu cầu ly hôn của chị N; cho thấy bị đơn đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn Q, vợ chồng sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp

nhận nguyện vọng ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Chị N và anh Q chưa có con chung; chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; Chị N, anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng. Chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002425 ngày 10/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; chị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Giao Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền